

Bản án số: 06/2025/KDTM-ST
Ngày: 31/07/2025
Về việc tranh chấp hợp đồng T dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuyển

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Kim Vân

Ông Lương Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Long Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà N tham gia phiên tòa:
Ông Tô Quốc Hải - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Hà N, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2025/TLST-KDTM ngày 07 tháng 3 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng T dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐST-XX ngày 17 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N.

Trụ sở tại: Số 108 Trần Hưng Đ, phường Cửa N, thành phố Hà N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo uỷ Q: Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N – Chi nhánh Hoàng M. (Văn bản uỷ Q số 944/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 18/9/2023).

Địa chỉ: Tầng 1, 2, 3 số 25 phố Tân M, phường Hoàng M, Thành phố Hà N.

Người đại diện theo uỷ Q tham gia tố tụng: Ông Dương Ngọc H, chức vụ: Phó Giám đốc và ông Lương Trung H, chức vụ: Cán bộ phòng Tổng hợp - Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N - Chi nhánh Hoàng M.

Địa chỉ: Tầng 1, 2, 3 số 25 phố Tân M, phường Hoàng M, Thành phố Hà N (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980 – đại diện Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn Q.

Địa chỉ: Thôn Xâm X, xã Hồng V, Thành phố Hà N (địa chỉ cũ: Thôn Xâm X, xã Hồng V, huyện Thường T, Thành phố Hà N) (Có mặt).

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 01X8005253 do UBND huyện Thường T cấp lần đầu ngày 11/7/2011)

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như trình bày tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn - Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N trình bày:

Ông Nguyễn Văn Q đã ký Hợp đồng T dụng để vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N - Chi nhánh Hoàng M, cụ thể như sau: Hợp đồng T dụng số 07-KD/2011/HĐTD ký ngày 04/8/2011, số tiền vay 980.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Vay vốn lưu động phục vụ kinh doanh cây cảnh; Thời hạn cho vay: tối đa 12 tháng. Kỳ trả nợ gốc: 12 tháng vào ngày đáo hạn; Kỳ hạn trả lãi: 1 tháng 1 lần, bắt đầu từ ngày 25/8/2011. Phương thức áp dụng lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi, lãi suất cho vay được Th theo năm, bằng Lãi suất huy động vốn thực tế trả lãi sau trên thị trường kỳ hạn 12 tháng được niêm yết tại Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N – Chi nhánh Hoàng M + biên độ 9%, lãi suất cho vay tại thời điểm cho vay là: 23%/năm. Khi có biến động thị trường xảy ra, Bên Ngân hàng được Q điều chỉnh biên độ; Lãi suất phạt quá hạn: Bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho khoản vay trên, ông Nguyễn Văn Q đã thế chấp bằng tài sản sau: Q sử dụng thửa đất số 183C tờ bản đồ số 04 diện tích đất là 272m² tại thôn Xâm X, xã Hồng V, huyện Thường T, Thành phố Hà N (nay là xã Hồng V, Thành phố Hà N) theo Giấy chứng nhận Q sử dụng đất số BD 176191 do UBND huyện Thường T cấp ngày 26/01/2011, số vào sổ cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất số 000120/HV mang tên ông Nguyễn Văn Q. Hợp đồng thế chấp số 5160.2011/HĐTC ngày 02/8/2011 tại Phòng công chứng số 6, Thành phố Hà N và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký Q sử dụng đất huyện Thường T - Hà N ngày 03/8/2011.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, mới trả tổng số tiền 124.147.556 đồng vào nợ lãi của khoản vay. Vì vậy, toàn bộ khoản vay của ông Q đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 26/3/2012. Th đến ngày 31/7/2025, ông Q còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N - Chi nhánh Hoàng M tổng số tiền theo Hợp đồng T dụng đã ký là: 3.106.145.149 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 980.000.000 đồng; Nợ lãi vay trong hạn là 1.443.531.222 đồng; Nợ lãi phạt quá hạn là 682.613.928 đồng.

Khi khoản vay quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và đôn đốc ông Nguyễn Văn Q về việc thanh toán khoản nợ quá hạn nhưng ông Q vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như đã cam kết.

Nay Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà N giải quyết các yêu cầu sau:

- Buộc ông Nguyễn Văn Q trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N - Chi nhánh Hoàng M toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng T dụng đã ký (tạm Th đến ngày 31/7/2025) là: 3.106.145.149 đồng.

- Ông Nguyễn Văn Q phải chịu số tiền lãi phát sinh Th theo Hợp đồng T dụng đã ký trên số nợ gốc thực tế kể từ ngày 01/8/2025 đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

- Buộc ông Nguyễn Văn Q phải thanh toán các chi phí phát sinh trong quá trình xử lý khoản vay để thu hồi nợ theo quy định (án phí).

- Trường hợp ông Nguyễn Văn Q không trả được nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm Q xử lý tài sản đảm bảo đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N. Nếu số tiền thu được không đủ để thanh toán hết số nợ thì Ngân hàng có Q yêu cầu ông Nguyễn Văn Q tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, cũng như trình bày tại phiên tòa, đại diện hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn Q là ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Ông Q xác nhận đã ký Hợp đồng T dụng số 07-KD/2011/HĐTD ngày 04/8/2011 với Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N – Chi nhánh Hoàng M để vay số tiền là: 980.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay: Vay vốn lưu động phục vụ kinh doanh cây cảnh; Thời hạn cho vay: Tối đa 12 tháng. Kỳ hạn trả nợ gốc: 12 tháng vào ngày đáo hạn; Kỳ hạn trả lãi: 1 tháng 1 lần, bắt đầu từ ngày 25/8/2011. Phương thức áp dụng lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi, Lãi suất cho vay được Th theo năm, bằng Lãi suất huy động vốn thực tế trả lãi sau trên thị trường kỳ hạn 12 tháng được niêm yết tại Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N – Chi nhánh Hoàng M + biên độ 9%/năm, lãi suất cho vay tại thời điểm cho vay là: 23%/năm. Khi có biến động thị trường xảy ra, Bên Ngân hàng được Q điều chỉnh biên độ; Lãi suất phạt quá hạn: Bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Ông Q xác nhận Ngân hàng đã giải ngân cho ông số tiền vay 980.000.000 đồng.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán khoản vay trên, ông Q đã tự nguyện ký hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm là Q sử dụng thửa đất số 183C tờ bản đồ số 04 diện tích đất là 272m² tại thôn Xâm Xuyên, xã Hồng Vân, huyện Thường T, thành phố Hà N theo Giấy chứng nhận Q sử dụng đất số BD 176191 do UBND huyện Thường T cấp ngày 26/01/2011 mang tên ông Nguyễn Văn Q. Hợp đồng

thế chấp số 5160.2011/HĐTC ngày 02/8/2011 tại Phòng công chứng số 6, Thành phố Hà N và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 03/8/2011 theo quy định pháp luật.

Hiện nay trên thửa đất thế chấp nói trên không có công trình xây dựng, không có người ở mà chỉ là đất trống.

Sau đó, do làm ăn thua lỗ nên ông không trả nợ được ngân hàng như cam kết. Ông Q xác nhận, Th đến ngày 31/7/2025, ông còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N - Chi nhánh Hoàng M tổng số tiền theo Hợp đồng T dụng đã ký là: 3.106.145.149 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 980.000.000 đồng; Nợ lãi vay trong hạn là 1.443.531.222 đồng; Nợ lãi phạt quá hạn là 682.613.928 đồng. Ông Q đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện xem xét miễn giảm lãi để vay mượn thanh toán tổng số 1.200.000.000 đồng, toàn bộ số tiền lãi còn lại xin miễn. Nếu Ngân hàng không đồng ý, đề nghị giải quyết theo pháp luật. Ngoài ra, ông Q không yêu cầu và không đề nghị gì khác.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà N phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng theo quy định từ Điều 198 đến Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên về thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu chưa phù hợp. Đại diện nguyên đơn và bị đơn do ông Nguyễn Văn Q đại diện đã chấp hành pháp luật đúng theo quy định tại Chương 6 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về N dung vụ án: Căn cứ Hợp đồng T dụng số 07-KD/2011/HĐTD ngày 04/8/2011; Hợp đồng thế chấp số 5160.2011/HĐTC ngày 02/8/2011 tại Phòng công chứng số 6, Thành phố Hà N. Các bên đã tự nguyện ký kết, đúng thẩm Q, N dung không trái pháp luật, thỏa thuận về lãi suất vay giữa các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Văn Q đại diện hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn Q phải thanh toán trả cho Ngân hàng Viettinbank số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng T dụng đã ký kết. Ông Q tiếp tục phải chịu khoản lãi phát sinh trên nợ gốc thực tế chưa trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng T dụng. Trường hợp ông Nguyễn Văn Q không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP C t V N có Q đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm Q xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thẩm Q giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp:** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm của bị đơn và các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự giao nộp, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N với ông Nguyễn Văn Q đại diện hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn Q là “*Tranh chấp hợp đồng T dụng*” thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn Q đại diện hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn Q có đăng ký thường trú tại thôn Xâm Xuyên, xã Hồng Vân, Thành phố Hà N nên vụ án thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà N theo Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2]. **Về tố tụng:** Nguyên đơn và đại diện bị đơn có mặt trong quá trình giải quyết vụ án, chấp hành đầy đủ Q và nghĩa vụ quy định tại Chương 6 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. **Về thời hiệu khởi kiện:** Xét thấy sau khi ông Nguyễn Văn Q vi phạm hợp đồng T dụng, Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N đã liên tục làm việc yêu cầu trả nợ, nên việc nguyên đơn tiến hành khởi kiện là trong thời hạn luật định.

[4]. **Về N dung vụ án:**

Xét Hợp đồng T dụng số 07-KD/2011/HĐTD ngày 04/8/2011, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N và ông Nguyễn Văn Q đại diện hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn Q được ký kết tự nguyện, đúng thẩm Q, N dung không trái pháp luật, thỏa thuận về lãi suất vay giữa các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý.

Tuy nhiên, sau khi vay tiền ông Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Hợp đồng T dụng. Do vậy Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N khởi kiện, đề nghị ông Nguyễn Văn Q phải thanh toán trả toàn bộ khoản nợ còn lại bao gồm nợ gốc và nợ lãi là có căn cứ, nên chấp nhận.

4.1. Về khoản nợ gốc:

Căn cứ vào Hợp đồng T dụng số 07-KD/2011/HĐTD ngày 04/8/2011 thì Ngân hàng TMCP C t V N đã cho ông Nguyễn Văn Q vay số tiền 980.000.000 đồng. Hai bên đều xác nhận số tiền nợ gốc còn lại là 980.000.000 đồng, nên buộc ông Nguyễn Văn Q phải trả Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N số tiền gốc nêu trên.

4.2. Về khoản tiền lãi:

Xét thấy các khoản tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn đã được Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N Th theo đúng Hợp đồng T dụng, khế ước nhận nợ và mức lãi suất từng thời điểm của Ngân hàng, phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất. Cam kết của các bên đương sự trong hợp đồng về lãi suất là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật tại thời điểm ký kết nên xác định lãi suất của các bên thỏa thuận trong hợp đồng là hợp pháp, có hiệu lực thi hành

đối với các bên, bị đơn cũng xác nhận các khoản tiền lãi là đúng, do vậy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khoản tiền lãi trong hạn và lãi phạt quá hạn Th đến ngày 31/7/2025 của Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N.

Vì vậy, buộc ông Nguyễn Văn Q phải trả khoản tiền lãi vay trong hạn là 1.443.531.222 đồng; Lãi phạt quá hạn là 682.613.928 đồng.

Kể từ ngày 01/8/2025, ông Nguyễn Văn Q còn phải chịu khoản tiền lãi, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng T dụng số 07-KD/2011/HĐTD ngày 04/8/2011 đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

4.3. Về xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Nguyễn Văn Q đã thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N tài sản là: Q sử dụng thửa đất số 183C tờ bản đồ số 04 diện tích đất là 272m² tại thôn Xâm Xuyên, xã Hồng Vân, huyện Thường T, thành phố Hà N theo Giấy chứng nhận Q sử dụng đất số BD 176191 do UBND huyện Thường T cấp ngày 26/01/2011 mang tên ông Nguyễn Văn Q.

Xét Hợp đồng thế chấp số 5160.2011/HĐTC ngày 02/8/2011 tại Phòng công chứng số 6, Thành phố Hà N được các bên ký kết tự nguyện và được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật, nên xác định Hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý.

Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N đề nghị trường hợp ông Nguyễn Văn Q không thực hiện đúng, đủ nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N thì Ngân hàng có Q yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm Q xử lý tài sản đã thế chấp để thanh toán khoản nợ của ông Nguyễn Văn Q là có căn cứ nên chấp nhận.

Trong trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Văn Q phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N.

4.4. Đối với ý kiến của ông Nguyễn Văn Q đề nghị Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N xem xét để ông trả 1.200.000.000 đồng, đồng thời miễn toàn bộ khoản tiền lãi: Xét thấy N dung trên không được thỏa thuận trong Hợp đồng T dụng cũng như Khế ước nhận nợ, Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N không đồng ý với đề nghị trên nên không có căn cứ để chấp nhận.

[5]. **Về án phí:** Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên bị đơn phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 94.122.000 đồng.

Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N số tiền tạm ứng án phí đã nộp

[6]. **Về Q kháng cáo:** Các đương sự có Q kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 342; 343; 351; 355; 471; 474; 476; 477; 478; 715; 721 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324; Điều 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật các tổ chức T dụng;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 15.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N đối với ông Nguyễn Văn Q đại diện Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn Q về việc “*Tranh chấp hợp đồng T dụng*”

2. Buộc ông Nguyễn Văn Q phải trả Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N tổng số tiền là: 3.106.147.149 đồng (Ba tỷ một trăm linh sáu triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi chín đồng). Trong đó: Nợ gốc là 980.000.000 đồng (Chín trăm tám mươi triệu đồng); Nợ lãi vay trong hạn là 1.443.531.222 đồng (Một tỷ bốn trăm bốn mươi ba triệu năm trăm ba mươi một nghìn hai trăm hai mươi hai đồng); Nợ lãi phạt quá hạn là 682.613.928 đồng (Sáu trăm tám mươi hai triệu sáu trăm mười ba nghìn chín trăm hai mươi tám đồng) theo Hợp đồng T dụng số 07-KD/2011/HĐTD ngày 04/8/2011 (Tính đến hết ngày 31/7/2025).

Kể từ ngày 01/8/2025, ông Nguyễn Văn Q còn phải chịu các khoản tiền lãi, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng T dụng số 07-KD/2011/HĐTD ngày 04/8/2011 đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Văn Q không trả được khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N có Q yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm Q kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Toàn bộ Q sử dụng thửa đất số 183C tờ bản đồ số 04 diện tích đất là 272m² tại thôn Xâm Xuyên, xã Hồng Vân, huyện Thường T, thành phố Hà N theo Giấy chứng nhận Q sử dụng đất số BD 176191 do UBND huyện Thường T cấp ngày 26/01/2011 mang tên ông Nguyễn Văn Q. Trong trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Văn Q phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N.

3. Về tiền án phí:

- Ông Nguyễn Văn Q phải nộp số tiền 94.122.000 đồng (Chín mươi tư triệu một trăm hai mươi hai nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 36.716.000 đồng theo biên lai số 0016666 ngày 07/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường T, thành phố Hà N (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 – Hà N).

4. Về Q kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần C t V N và ông Nguyễn Văn Q có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTP Hà N;
- VKSNDTP Hà N;
- VKSNDKV11-Hà N'
- Phòng THADSKV11 – Hà N;
- UBND xã Hồng Vân;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Trí Tuyên